

FACTORS AFFECTING STUDENTS' SATISFACTION ON DEFENSE AND SECURITY EDUCATION SUBJECTS: A RESEARCH AT AN GIANG UNIVERSITY, VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

Nguyen Chi Hai

An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	13/10/2021	The research on factors affecting student satisfaction about the subject of National Defense and Security Education in order to contribute to the quality of the subject. It also builds a team of lecturers with high ethical quality, professional conscience and professional qualifications, with modern teaching methods and styles. At the same time, it also strengthens the sense of responsibility of learners, helps students improve themselves, and creates conditions for learners to reflect their own aspirations and opinions about teaching and learning activities. Research data were collected from survey results by questionnaires from 392 students of An Giang University, VNU-HCM. SPSS 20 and AMOS 24 software were used for the analysis and evaluation of the scales. Research results show that the majority of students are satisfied with the subject of National Defense and Security Education. The SEM model shows that there are six factors affecting student satisfaction about the subject of National Defense and Security Education, namely the Subject Program; Result evaluation; Management organization; Teaching methods; Teaching staff; Infrastructure. From the research results, a few proposals are discussed to improve student satisfaction about the subject of National Defense and Security Education.
Revised:	18/11/2021	
Published:	18/11/2021	
KEYWORDS		
National defense and security education		
An Giang University		
Satisfaction		
Students		
Factors affecting		

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VỀ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH: NGHIÊN CỨU Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Chí Hải

Trường Đại học An Giang, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	13/10/2021	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần xây dựng chất lượng cho môn học, xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Đồng thời, cũng tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học, giúp các em hoàn thiện bản thân, tạo điều kiện để người học phản ánh nguyện vọng, chính kiến của bản thân về hoạt động dạy và học. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát bởi bảng hỏi từ 392 sinh viên của Trường Đại học An Giang, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Phần mềm SPSS 20, AMOS 24 được sử dụng cho quá trình phân tích, đánh giá thang đo. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên khá hài lòng với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Mô hình SEM cho thấy có sáu nhân tố ảnh hưởng sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là Chương trình môn học; Đánh giá kết quả; Tổ chức quản lý; Phương pháp dạy học; Đội ngũ giảng viên; Cơ sở vật chất. Từ kết quả nghiên cứu, một số đề xuất được thảo luận nhằm cải thiện sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.
Ngày hoàn thiện:	18/11/2021	
Ngày đăng:	18/11/2021	
TỪ KHÓA		
Giáo dục quốc phòng và an ninh		
Trường Đại học An Giang		
Sự hài lòng		
Sinh viên		
Nhân tố ảnh hưởng		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5166>

Email: nchai@agu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

1. Giới thiệu

Giáo dục quốc phòng và an ninh không chỉ đơn thuần là môn học về kỹ thuật quân sự mà còn là một hệ thống kiến thức tổng hợp cả về chính trị, quốc phòng và an ninh, nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung và góp phần giáo dục về ý thức, trách nhiệm qua đó hình thành phẩm chất, đạo đức người lao động, người chiến sĩ trong tương lai của thế hệ trẻ đang học tập trong các nhà trường.

Chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Trường Đại học An Giang là chất lượng tổng hợp của các yếu tố, các bộ phận chủ đạo cơ bản cấu thành quá trình này trong sự tác động làm chuyển biến sâu sắc về nhân sinh quan nhận thức, phẩm chất, năng lực, trình độ, tư duy toàn diện của các cá nhân sinh viên theo mục tiêu, cấu trúc, chương trình, nội dung của toàn bộ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh đã được quy định trong pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Trong những năm qua, quá trình tổ chức dạy và học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh đạt kết quả khá cao, nguyên nhân do Bộ môn Giáo dục quốc phòng luôn chú trọng đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, về chất lượng, về hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học An Giang trong thời gian qua cũng còn những hạn chế nhất định cần được nhận định, việc đánh giá thường xuyên về chất lượng giảng dạy, sự phù hợp của chương trình, năng lực của đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy, sự đầu tư về cơ sở vật chất [1]. Đặc biệt, chúng ta cần quan tâm xem sự phản hồi của người học về những nội dung trên là một nhân tố quan trọng để đánh giá chất lượng của môn học, sự phản hồi đó chính là sự hài lòng của sinh viên về môn học.

Theo Oliver, sự hài lòng là phản ứng của người tiêu dùng đối với việc được đáp ứng những mong muốn. Định nghĩa này có hàm ý rằng sự thỏa mãn chính là sự hài lòng của người tiêu dùng trong việc tiêu dùng sản phẩm hoặc dịch vụ do nó đáp ứng những mong muốn của họ, bao gồm cả mức độ đáp ứng trên mức mong muốn và dưới mức mong muốn [2]. Theo Zeithaml and Bitner, cho rằng sự hài lòng của khách hàng là sự đánh giá của khách hàng về một sản phẩm hay một dịch vụ đã đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của họ [3]. Như vậy, sự hài lòng của sinh viên về chất lượng môn học là sự đánh giá toàn diện về hoạt động giáo dục mà họ được cung cấp, nó đáp ứng sự mong đợi của sinh viên. Sự hài lòng của sinh viên được cảm nhận thông qua các hoạt động dạy và học nhằm đem đến cho sinh viên sự thỏa mãn và họ được đánh giá sau khi sử dụng.

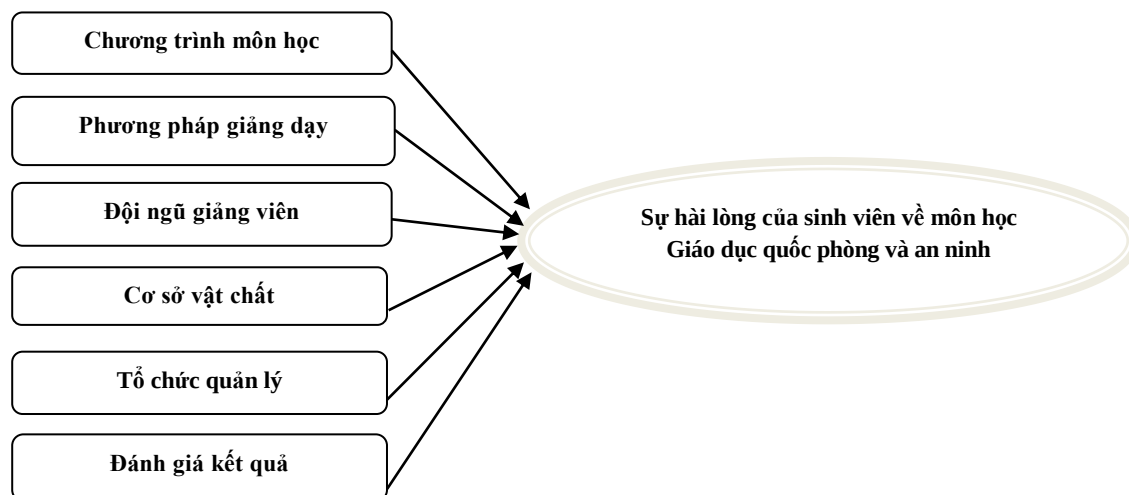
Hiện nay, ở Việt Nam đã có một vài nghiên cứu về sự hài lòng của sinh viên về chất lượng giáo dục đại học. Theo Nguyễn Thị Ngọc Xuân, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng giáo dục của trường đại học đã đề xuất mô hình có 5 yếu tố bao gồm tiếp cận dịch vụ giáo dục, cơ sở vật chất, môi trường giáo dục, hoạt động giáo dục, kết quả giáo dục [4]. Theo Phạm Thị Lan Phương và cộng sự đã đề xuất mô hình sự hài lòng của sinh viên về chất lượng của trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh gồm 6 nhân tố thư viện, kí túc xá, căn-tin, tư vấn học tập, tư vấn và giới thiệu việc làm, tổng thể cơ sở vật chất và sự hỗ trợ của các phòng ban [5]. Theo tác giả Trần Thị Kim Chi đã đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng tại Trường Đại học Lạc Hồng gồm 5 nhân tố quy trình thực hiện dịch vụ, năng lực phục vụ, đội ngũ giảng viên/cố vấn học tập, các hoạt động phong trào và cơ sở vật chất [6].

Theo Trần Khánh Mai, tác giả đã nhận định rằng thực trạng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh còn biểu hiện một số mặt tồn tại, khiếm khuyết nhất định trong tổ chức hoạt động dạy và học, đánh giá chất lượng môn học cần được tác động điều chỉnh kịp thời, đề xuất các giải pháp bao gồm đội ngũ giảng viên, hoạt động tổ chức, chương trình, nội dung giáo dục, đánh giá kết quả học tập môn học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập hiện nay [7].

Nguyễn Văn Hòa và các cộng sự đã phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cũng như cơ hội và thách thức trong tổ chức đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Trên cơ sở đó đề xuất 05 giải pháp phù hợp với thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện tại Trung tâm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh [8].

Như vậy, các công trình nghiên cứu trước đây chưa một công trình nào nghiên cứu định lượng về yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Để giải thích vấn đề này, chúng tôi đặt ra 2 câu hỏi. Sinh viên Trường Đại học An Giang có hài lòng với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh không? Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên Trường Đại học An Giang đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh?

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây, chúng tôi đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Một nghiên cứu tại Trường Đại học An Giang, ĐHQG-TPHCM có 6 nhân tố bao gồm Chương trình môn học; Phương pháp giảng dạy; Đội ngũ giảng viên; Cơ sở vật chất; Tổ chức quản lý; Đánh giá kết quả.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng ta có thể đánh giá mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dựa trên việc xem xét khung lý thuyết và sử dụng nhóm trọng tâm thảo luận với sinh viên và giảng viên ở Trường Đại học An Giang. Trong các cuộc thảo luận nhóm tập trung, những người tham gia đã được cung cấp danh sách những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; và họ được yêu cầu đưa ra ý kiến để bổ sung vào những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; chúng tôi đã đánh giá sự phù hợp của các thang đo. Sự đồng thuận đạt được ở cuối giai đoạn thảo luận cho phép chúng tôi xây dựng mô hình ở Hình 1.

2.1. Lấy mẫu

Dựa trên những kết quả thảo luận sơ bộ, một bảng câu hỏi đã được phát triển để có cách nhìn tổng quan về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Thời gian lấy mẫu từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2021 tại Trường Đại học An Giang, sinh viên trả lời trực tiếp trên bảng hỏi. Cuộc khảo sát bao gồm 36 mục Likert. Các câu hỏi về nhân khẩu học để tìm thông tin về giới tính, khoa của sinh viên đang học, và 7 thang đo của mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Thang đo Likert được sử dụng với dãy giá trị từ 1 đến 5 để đo lường mức độ cảm nhận của đối tượng khảo sát (1) hoàn toàn không đồng ý, (2) không đồng ý, (3) trung lập, (4) đồng ý, (5) hoàn toàn đồng ý.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đã được sử dụng. Tổng số có 392 sinh viên được khảo sát, bao gồm 198 sinh viên nam chiếm tỷ lệ 50,5% và 194 sinh viên nữ chiếm 49,5%. Sinh viên

năm thứ nhất là 69 chiếm tỷ lệ 17,6%, sinh viên năm thứ 2 là 106 chiếm tỷ lệ 27%, sinh viên năm thứ ba là 113 chiếm tỷ lệ 28,8%, sinh viên năm thứ tư là 104 chiếm tỷ lệ 26,5%. Sinh viên từ 8 khoa của Trường Đại học An Giang, trong đó khoa Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên là 31 chiếm tỷ lệ 7,9%, khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh là 61 sinh viên chiếm tỷ lệ 15,6%, khoa Sư phạm 28 sinh viên chiếm tỷ lệ 7,1%, khoa Luật và Khoa học chính trị là 66 sinh viên chiếm tỷ lệ 16,8%, khoa Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường là 49 sinh viên chiếm tỷ lệ 12,5%, khoa Công nghệ thông tin là 64 sinh viên chiếm tỷ lệ 16,3%, khoa Du lịch và Văn hóa - Nghệ thuật là 38 sinh viên chiếm tỷ lệ 9,7%, khoa Ngoại ngữ là 55 sinh viên chiếm tỷ lệ 14,0%, số liệu về mẫu khảo sát được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu khảo sát

Đặc điểm nhân khẩu học	Số mẫu	Phần trăm
1. Giới tính	392	100%
Nam	198	50,5
Nữ	194	49,5
2. Sinh viên đang học năm	392	100%
Thứ nhất	69	17,6
Thứ hai	106	27,0
Thứ ba	113	28,8
Thứ tư	104	26,5
3. Sinh viên thuộc khoa	392	100%
Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên thiên nhiên	31	7,9
Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	61	15,6
Khoa Sư phạm	28	7,1
Khoa Luật và Khoa học chính trị	66	16,8
Khoa Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường	49	12,5
Khoa Công nghệ thông tin	64	16,3
Khoa Du lịch và Văn hóa - Nghệ thuật	38	9,7
Khoa Ngoại ngữ	55	14,0

2.2. Phân tích dữ liệu

Sinh viên trả lời trực tiếp trên bảng hỏi, kết quả cuộc khảo sát được mã hóa và phân tích bởi phần mềm SPSS Phiên bản 20, AMOS phiên bản 24. Việc đo lường sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, các bước tiến hành phân tích bao gồm 4 bước.

Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha. Hệ số Alpha được phát triển bởi Cronbach nhằm đo lường tính nhất quán nội tại (internal consistency) của các biến trong cùng một nhóm. Theo đó, hệ số Cronbach's Alpha có thể được dùng để đánh giá độ tin cậy của thang đo và loại các biến không phù hợp ra khỏi mô hình [9].

Phân tích nhân tố khám phá (exploratory factor analysis - EFA) nhằm đánh giá giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của từng biến trong các nhóm nhân tố;

Phân tích nhân tố khẳng định (confirmatory factor analysis - CFA) nhằm kiểm định tính đại diện của các biến quan sát (measured variables) đối với các nhân tố (constructs);

Kiểm định giả thuyết và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với sự hài lòng bằng mô hình cấu trúc tuyến tính (structural equation modeling - SEM).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha là một phép kiểm định về mức độ chặt chẽ mà các thang đo tương quan với nhau. Các nhà nghiên cứu về thang đo [10]-[12] cho rằng, hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 là có thể sử dụng được, thang đo tốt nhất trong khoảng từ 0,8 đến 1. Ngoài ra, các biến có hệ số tương quan biến tổng < 0,3 sẽ bị loại khỏi mô hình nghiên cứu.

Kết quả xử lý dữ liệu tại bảng 2 đã cho thấy, 7 thang đo đều đạt được độ tin cậy cao. Cronbach's Alpha > 0,8 và Hệ số tương quan biến tổng > 0,3. Nó thể hiện sự phù hợp của thang đo.

Bảng 2. Kết quả kiểm định thang đo Cronbach's Alpha

Thang đo	Mã hóa	Biến quan sát	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng
Chương trình môn học	CHT	5	0,886	0,695 - 0,819
Phương pháp giảng dạy	PHP	5	0,833	0,592 - 0,667
Đội ngũ giảng viên	GIV	5	0,850	0,575 - 0,783
Cơ sở vật chất	VAC	5	0,897	0,692 - 0,818
Tổ chức quản lý	TOC	4	0,931	0,787 - 0,876
Đánh giá kết quả	ĐAG	5	0,938	0,761 - 0,899
Sự hài lòng	HAL	5	0,952	0,813 - 0,893

3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA cho các thang đo

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's trong bảng kiểm định KMO và Bartlett's cho thấy, giá trị KMO = 0,871, chứng tỏ nhân tố khám phá này là phù hợp. Kiểm định Bartlett's, giá trị Sig. = 0,000 ($< 0,05$), chứng tỏ các biến có tương quan với nhau trong các nhân tố.

Thông số Eigenvalues ≥ 1 được giữ lại trong mô hình phân tích. Kết quả phân tích cho thấy giá trị Eigenvalue = 1,286 (≥ 1) và trích được 7 nhân tố mang ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất. Chỉ số tổng bình phương hệ số tải nhân tố tích lũy (Cumulative) là 73,515% $\geq 50\%$ cho thấy mô hình EFA là phù hợp.

Bảng 3. Bảng nhân tố ma trận xoay

	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
DAG4	0,947						
DAG5	0,903						
DAG3	0,888						
DAG2	0,794						
DAG1	0,753						
CHT5		0,856					
CHT3		0,735					
CHT1		0,713					
CHT4		0,689					
CHT2		0,688					
VAC5			0,851				
VAC4			0,848				
VAC1			0,751				
VAC2			0,739				
VAC3			0,711				
TOC3				0,893			
TOC4				0,884			
TOC2				0,818			
TOC1				0,775			
HAL2					0,761		
HAL4					0,756		
HAL1					0,748		
HAL5					0,734		
HAL3					0,628		
GIV5						0,844	
GIV3						0,704	
GIV2						0,666	
GIV1						0,662	
GIV4						0,581	
PHP4							0,747
PHP5							0,727
PHP2							0,683
PHP1							0,656
PHP3							0,627

Kết quả ma trận xoay tại Bảng 3 cho thấy, 34 biến quan sát được phân thành 7 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0,5 và không còn các biến xấu. Do đó cả 7 nhân tố được giữ lại trong mô hình nghiên cứu.

3.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Phân tích nhân tố khẳng định CFA là một kỹ thuật thống kê của mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Phương pháp CFA và mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được sử dụng để kiểm định các thang đo, mức độ phù hợp mô hình. Kết quả CFA được đánh giá thông qua các chỉ tiêu bao gồm tính đơn hướng; độ tin cậy; tính hội tụ; và tính phân biệt.

Về tính đơn hướng, kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA cho 8 thang đo có các chỉ số Chi-square/df = 1,767 (< 2) là tốt; CFI = 0,962 (> 0,9) là tốt; hệ số RMSEA = 0,044 (< 0,6) là tốt; pclose = 0,976 (> 0,05) [13], [14]. Hệ số GFI = 0,883, AGFI = 0,861 (> 0,8) là chấp nhận được [15], [16]. Kết quả phân tích nhân tố CFA khẳng định tính đơn hướng của thang đo trong mô hình nghiên cứu.

Kiểm định tính hội tụ (convergent validity), tính phân biệt (discriminant validity) và sự tin cậy (reliability), ở Bảng 4. Cho chúng ta thấy, tất cả giá trị độ tin cậy tổng hợp (CR) > (0,7) nghĩa là độ tin cậy của các thang đo là phù hợp với mô hình; Tất cả giá trị phương sai trung bình được trích (AVE) > (0,5) nên tính hội tụ của các thang đo là phù hợp với mô hình; Tất cả giá trị phương sai riêng lớn nhất (MSV) < Phương sai trung bình được trích (AVE) nên tính phân biệt được đảm bảo [14].

Bảng 4. Kết quả kiểm định độ tin cậy, tính hội tụ, và tính phân biệt

Cấu trúc các nhân tố	Số lượng biến	CR	AVE	MSV	MaxR(H)
Đánh giá kết quả (DAG)	5	0,936	0,747	0,102	0,968
Chương trình môn học (CHT)	5	0,888	0,615	0,279	0,903
Cơ sở vật chất (VAC)	5	0,899	0,641	0,152	0,907
Tổ chức quản lý (TOC)	4	0,932	0,775	0,193	0,939
Sự hài lòng của sinh viên (HAL)	5	0,952	0,800	0,279	0,958
Đội ngũ giảng viên (GIV)	5	0,853	0,540	0,253	0,885
Phương pháp giảng dạy (PHP)	5	0,835	0,504	0,181	0,837

Như vậy, kết quả kiểm định Validity và Reliability thể hiện ở Bảng 4. Các chỉ số kiểm định đã thể hiện được độ tin cậy tổng hợp, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt được đảm bảo ở các thang đo, qua đó các thang đo đã chứng minh được sự phù hợp của mô hình.

3.4. Kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

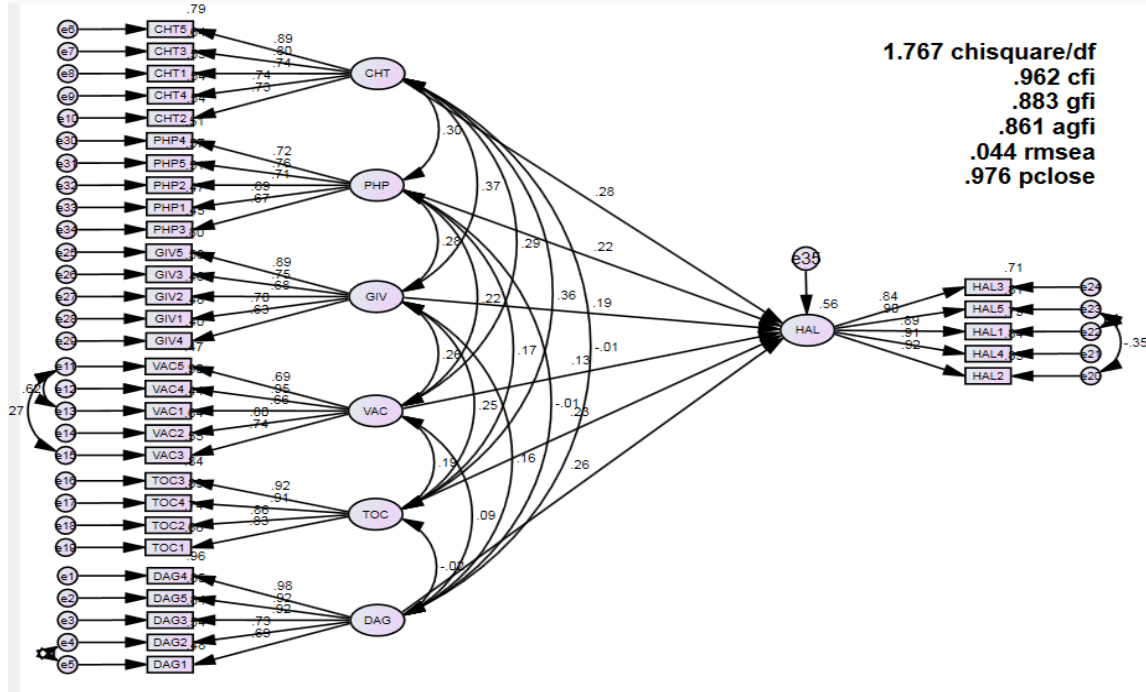
Kết quả xử lý dữ liệu được tiếp tục thực hiện để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ giáo dục đại học ở Việt Nam. Kết quả xử lý được trình bày ở Bảng 5, và Hình 2.

Bảng 5. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa các khái niệm nghiên cứu

Mối quan hệ tác động	Hệ số hồi quy	Sig	Hệ số hồi quy chuẩn hóa
HAL <--- CHT	0,286	0,000	0,276
HAL <--- PHP	0,294	0,000	0,222
HAL <--- GIV	0,214	0,000	0,191
HAL <--- VAC	0,193	0,002	0,130
HAL <--- TOC	0,269	0,000	0,232
HAL <--- DAG	0,238	0,000	0,258

Mô hình có Chi-square/df = 1,767, cfi = 0,962, gfi = 0,883, agfi = 0,861, rmsea = 0,044, pclose = 0,976. Kết quả nghiên cứu Bảng 5, thể hiện giá trị Sig của các thang đo CHT = 0,000 (< 0,05), PHP = 0,000 (< 0,05), GIV = 0,000 (< 0,05), VAC = 0,002 (< 0,05), TOC = 0,000 (< 0,05), DAG = 0,000 (< 0,05). Kết quả này thể hiện là mối quan hệ tác động giữa các nhân động lập và nhân tố phụ thuộc là có ý nghĩa.

Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa các khái niệm ở Bảng 5, các hệ số hồi quy đã chuẩn hóa càng lớn thì biến độc lập tương ứng tác động càng mạnh đến biến phụ thuộc sự hài lòng của sinh viên (HAL). Các nhân tố có tác động đến chất lượng dịch vụ giáo dục đại học gồm CHT = 0,276, DAG = 0,258, TOC = 0,232, PHP = 0,222, GIV = 0,191, VAC = 0,130.



Hình 2. Kết quả nghiên cứu mô hình SEM

Kết quả nghiên cứu R^2 (Adjusted R Square) của HAL = 0,560, nó có ý nghĩa là mô hình hồi quy này là phù hợp. Mô hình hồi quy giải thích là các biến độc lập ảnh hưởng đến 56% sự biến thiên của biến phụ thuộc sự hài lòng của sinh viên (HAL) trong mô hình.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các thang đo đều đạt được độ tin cậy và có giá trị cho phép đánh giá mô hình. Phát hiện của nghiên cứu thể hiện có 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm Chương trình môn học; Đánh giá kết quả; Tổ chức quản lý; Phương pháp dạy học; Đội ngũ giảng viên; Cơ sở vật chất.

Chương trình môn học ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là 0,276. Để cải thiện nhân tố chương trình đào tạo, trường đại học nên cân đối tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo nên hướng đến 3 mục tiêu (kiến thức, kỹ năng, năng lực). Nên xây dựng chương trình đảm bảo tính linh hoạt và mềm dẻo phù hợp áp dụng ở các cơ sở giáo dục [17].

Đánh giá kết quả ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là 0,258. Tổ chức quản lý ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là 0,232. Tổ chức tốt việc tiếp nhận và dạy học, bố trí nơi ăn, ở, bãi tập chu đáo trong suốt quá trình tổ chức học tập tập trung tại cơ sở. Trong quá trình tham gia khóa học, sinh viên được biên chế tiệm cận theo mô hình quân đội, thực hiện đúng, đủ 11 chế độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần. Phương pháp dạy học ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là 0,222. Đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học An Giang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy môn học theo hướng tăng hiệu quả thực tiễn đối với sinh viên, coi trọng khắc phục những hạn chế do tính đặc thù của môn học [18].

Đội ngũ giảng viên ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là 0,191. Việc nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy có

trình độ cao và giảng dạy tốt. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học, tạo ra môi trường giáo dục mang tính tương tác giữa người dạy và người học [19]. Cơ sở vật chất ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là 0,130.

4. Kết luận

Mô hình nghiên cứu giả thuyết được kiểm chứng các thang đo thể hiện sự phù hợp của các nhân tố. Kết quả nghiên cứu đã kiểm chứng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Trong đó có sáu nhân tố đại diện theo mức độ ảnh hưởng từ mạnh đến yếu bao gồm Chương trình môn học; Đánh giá kết quả; Tổ chức quản lý; Phương pháp dạy học; Đội ngũ giảng viên; Cơ sở vật chất. Như vậy, kết quả đạt được trong nghiên cứu đã thỏa mãn các mục tiêu đặt ra.

Trong các đề xuất được thảo luận có thể giúp các nhà quản lý giáo dục hiểu được mối quan hệ giữa các nhân tố độc lập với sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh. Qua đó, chúng ta có thể nhận thấy được thông tin về sự hài lòng của người học, nó chính là cơ sở để đánh giá tính hiệu quả của môn học, giúp hệ thống kịp thời có những điều chỉnh hợp lý để ngày càng tạo ra mức độ hài lòng cao hơn của những chủ thể tham gia hoạt động dạy-học, và còn cung cấp số liệu, minh chứng cho công tác tự đánh giá về chương trình đào tạo. Việc xác định sự hài lòng của sinh viên về môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh có thể góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng môn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] C. H. Nguyen, "National defense and security education for students in the impact of the industrial revolution 4.0," in *Higher Education in the 4th Industrial Revolution*, V. V. Thang, Ed. Vietnam National University Ho Chi Minh City (in Vietnamese), 2020, pp. 163-169.
- [2] R. L. Oliver, *Satisfaction: A Behavioural Perspective on the Consumer*. New York: McGraw-Hill, 1997.
- [3] A. Parasuraman, V. A. Zeithaml, and L. L. Berry, "Alternative Scales for Measuring Service Quality: A Comparative Assessment Based on Psychometric and Diagnostic Criteria," In *Handbuch Dienstleistungsmanagement*, M. Bruhn, H. Meffert, Eds. Gabler Verlag, Wiesbaden, 1998.
- [4] T. N. X. Nguyen, "Factors affecting student satisfaction about the quality of educational services of Tra Vinh University," (in Vietnamese), *Journal of Education*, vol. 1, no. 5, pp. 133-137, 2018.
- [5] T. L. P. Pham and T. H. Pham, "Student satisfaction about the service quality of the University in Ho Chi Minh City," (in Vietnamese), *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, vol. 16, no. 4, pp. 101-113, 2019.
- [6] T. K. C. Tran, "A study on factors affecting student's satisfaction with support services at Lac Hong University," (in Vietnamese), *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, vol. 16, no. 11, pp. 775-786, 2019.
- [7] K. M. Tran, "Current situation and solutions to improve the quality of National Defense and Security Education for students at An Giang University today," (in Vietnamese), *An Giang University Journal of Science*, vol. 18, no. 6, pp. 95-109, 2017.
- [8] V. H. Nguyen, V. H. Chu, T. S. Nguyen, and T. T. Nguyen, "Solutions to improve the quality of training in National Defense and Security Education at the Center for National Defense and Security Education at Bac Ninh University of Physical Education and Sports," (in Vietnamese), *Journal of Scientific Training and Sports Coaching*, no. 2, pp. 24-29, 2021.
- [9] L. J. Cronbach, "Coefficient alpha and the internal structure of tests," *Psychometric/ Psychometrika*, vol. 16, no. 3, pp. 297-334, 1951.
- [10] J. C. Nunnally, *Psychometric theory*, 2nd Edition, New York: McGraw-Hill, 1978.
- [11] S. F. Slater and J. C. Narver, "Market Orientation and the Learning Organization," *Journal of Marketing*, no. 59, pp. 63-74, 1995.
- [12] D. George and P. Mallery, *SPSS for Windows step by step: A simple guide and reference 11.0 update (4th ed.)*. Boston: Allyn & Bacon, 2003.

-
- [13] L. T. Hu and P. M. Bentler, "Cutoff Criteria for Fit Indexes in Covariance Structure Analysis: Conventional Criteria versus New Alternatives," *Structural Equation Modeling*, no. 6, pp. 1-55, 1999.
- [14] J. Hair, W. Black, B. Babin, and R. Anderson, *Multivariate data analysis (7th ed.): Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall*, 2010.
- [15] W. J. Doll, W. Xia, and G. Torkzadeh, "A confirmatory factor analysis of the end-user computing satisfaction instrument," *MIS Quarterly*, vol. 18, no. 4, pp. 453-461, 1994.
- [16] D. M. T. Le, T. H. L. Tran, and Q. T. Nguyen, "Service quality in higher education: Applying HEdPERF scale in Vietnamese universities," *Ho Chi Minh city open University Journal of Science - Social Sciences*, vol. 11, no. 1, pp. 101-115, 2021.
- [17] V. H. Tran, H. C. Pham, and H. N. Vu, "Service quality and students level of satisfaction in Private Colleges in Vietnam," *International Journal of Financial Research*, vol. 7, no. 3, pp. 121-128, 2016.
- [18] T. T. T. Tran, D. K. Giap, T. H. D. Nguyen, and T. L. Tran, "Research on Factors Affecting the Postgraduate Students' Satisfaction in the Quality of Training Services in Accounting at the Training Institutions in Hanoi," *American Journal of Educational Research*, vol. 6, no. 5, pp. 512-518, 2018.
- [19] H. N. Tran, V. N. Phan, H. S. Doan, T. A. D. Tran, and G. N. Tran, "Lecturer professional development strategies in a higher education institution in Ha Tinh Province at a time of educational reforms," *Educational Studies Moscow*, vol. 2, no. 1, pp. 128-151, 2020.